

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG T&L
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG T&L

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T&L CONSTRUCTION DESIGN
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH TKXD T&L

2. Mã số doanh nghiệp: 0109400567

3. Ngày thành lập: 05/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Biệt Thự M09-01, Khu đô thị Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
2.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4774
3.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4799
4.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
5.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
6.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
7.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
8.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
9.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản (Không bao gồm định giá bất động sản)	6820

10.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế công trình điện dân dụng, công nghiệp. Thiết kế công trình chiếu sáng vỉa hè.	7110
11.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
12.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chi kinh doanh theo qui định của pháp luật;	8299
14.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
15.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
16.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
17.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Ghi chú: Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản.	4791
18.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
19.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
20.	Bán buôn thực phẩm	4632
21.	Khai thác gỗ	0220
22.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
23.	Sản xuất cà phê	1077
24.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
25.	Sản xuất than cốc	1910
26.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ loại nhà nước cấm)	2011
27.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
30.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
31.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
32.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
33.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
34.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
35.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
36.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
37.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
38.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
39.	Sản xuất máy luyện kim	2823

40.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
41.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
42.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
43.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
44.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
45.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
46.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
47.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
48.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
49.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
50.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
51.	Sản xuất điện	3511
52.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
53.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
54.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
55.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
56.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
57.	Tái chế phế liệu	3830
58.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
63.	Xây dựng công trình điện	4221
64.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
67.	Xây dựng công trình thủy	4291
68.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
69.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
70.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
71.	Phá dỡ	4311
72.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
73.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
74.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

75.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời và hệ thống xây dựng khác	4329
76.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
77.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
78.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
79.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
80.	Bán buôn đồ uống	4633
81.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
82.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
83.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
84.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chỉ gồm có: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;	4659
85.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha. (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	4661
86.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng qui định pháp luật (Không bao gồm vàng và kim loại mà theo qui định pháp luật cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh và chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật)	4662

87.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
88.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
89.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
90.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
91.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ gồm có: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
92.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 9.800.000.000 VNĐ

Chín tỉ tám trăm triệu đồng chẵn

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC THƯỢNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/06/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087002921

Ngày cấp: 19/02/2020

Nơi cấp: CỤC CẢNH SÁT ĐKQL CƯ TRÚ VÀ DLQG
VỀ DÂN CƯ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đoàn Xá, Xã Đồng Tiến, Huyện Ứng Hoà,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đoàn Xá, Xã Đồng Tiến, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội